

pháp luật, xây dựng và quản lý các tổ chức Hội thẩm nhân dân, luật sư, bảo chữa viên, giám định viên, công chứng viên v.v...).

Thông qua công tác với các Tòa án nhân dân cấp dưới, nếu Tòa án nhân dân Phúc thẩm có những nhận xét gì về tổ chức hoặc cán bộ của các Tòa án nhân dân cấp dưới thì tùy trường hợp, sẽ phản ảnh với Tòa án nhân dân Tối cao hoặc Bộ Tư pháp theo sự phân công giữa hai cơ quan nói trên; đối với những thiếu sót nhỏ có thể sửa chữa được ngay thì Tòa án nhân dân Phúc thẩm góp ngay ý kiến với Tòa án nhân dân cấp dưới.

Bộ Tư pháp và Tòa án nhân dân Tối cao có thể ủy quyền cho các Tòa án nhân dân Phúc thẩm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc một số công tác hành chính tư pháp ở các Tòa án nhân dân cấp dưới.

D. MỘT SỐ ĐIỂM VỀ TỔ CHỨC VÀ LỀ LỜI LÀM VIỆC CỦA CÁC TÒA ÁN NHÂN DÂN PHÚC THẨM HÀ NỘI, HẢI PHÒNG VÀ VINH

1. Muốn cho các Tòa án nhân dân Phúc thẩm làm tròn nhiệm vụ, cần phải tăng cường mối liên hệ giữa Tòa án nhân dân Phúc thẩm với Tòa án nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp và với các Tòa án nhân dân, Ủy ban Hành chính và cấp ủy địa phương.

Ngoài việc học tập chính trị, chính sách trong khi sinh hoạt với các cơ quan đoàn thể địa phương, các cán bộ phụ trách Tòa án nhân dân Phúc thẩm sẽ được Tòa án nhân dân Tối cao tổ chức để phổ biến cho biết thêm về tình hình của các địa phương, những chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ cần thiết cho công tác xét xử và những đường lối, chủ trương công tác của Tòa án nhân dân Tối cao. Tòa án nhân dân Tối cao sẽ tổ chức những cuộc hội ý trong từng thời gian nhất định để chỉ đạo, giúp đỡ các Tòa án nhân dân Phúc thẩm công tác.

Các Tòa án nhân dân Phúc thẩm phải liên hệ mật thiết với Tòa án nhân dân, Ủy ban Hành chính và cấp ủy tỉnh, thành phố để nắm tình hình địa phương để cho công tác xét xử được tốt.

2. Tòa án nhân dân Phúc thẩm và Viện Công tố phúc thẩm sẽ dần dần tách ra để trở thành những cơ quan riêng. Tuy nhiên lúc ấy 2 cơ quan (Viện Công tố và Tòa án nhân dân Phúc thẩm) sẽ có thể cùng chung một trụ sở và sử dụng một bộ phận quản trị chung. Trong khi chờ đợi, cần phân công giữa bộ phận Công tố và bộ phận Tòa án cho rõ ràng, khi gặp những việc quan trọng hoặc khó khăn thì 2 bộ phận phải thảo luận tập thể để giúp đỡ lẫn nhau.

3. Lễ lời làm việc chủ yếu của các Tòa án nhân dân Phúc thẩm Hà Nội, Hải Phòng và Vinh là phải

lưu động để xét xử và nắm tình hình ở các địa phương. Đối với những vụ án quan trọng, các Tòa án nhân dân Phúc thẩm cần phải liên hệ mật thiết với các Tòa án nhân dân, Ủy ban Hành chính và cấp ủy địa phương để làm cho đường lối xét xử của Tòa án nhân dân Phúc thẩm được thông suốt với các cơ quan nói trên; nếu có sự bất đồng ý kiến quan trọng giữa Tòa án nhân dân Phúc thẩm với Ủy ban Hành chính hoặc cấp ủy địa phương thì Tòa án nhân dân Phúc thẩm báo cáo với Tòa án nhân dân Tối cao giải quyết.

4. Tất cả những báo cáo mà các Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố phải gửi cho Tòa án nhân dân Tối cao thì cũng phải gửi cho Tòa án nhân dân Phúc thẩm một bản.

Đối với những vụ án phải thỉnh thị Tòa án nhân dân Tối cao, các Tòa án nhân dân tỉnh và thành phố phải lấy ý kiến của Tòa án nhân dân Phúc thẩm trước khi đi thỉnh thị. Sau khi đã cho ý kiến về vụ án thỉnh thị, Tòa án nhân dân Tối cao phải cho Tòa án nhân dân Phúc thẩm biết ý kiến của Tòa án nhân dân Tối cao.

Yêu cầu các Tòa án nhân dân Phúc thẩm Hà Nội, Hải Phòng và Vinh và các Tòa án nhân dân trong quân hạt các Tòa án nhân dân Phúc thẩm nói trên thì hành thông tư này, sau Liên bộ sẽ rút kinh nghiệm và bổ sung thêm.

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 1959

K.T. Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao
Phó Chánh án
BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP
VŨ ĐÌNH HÒE
TRẦN CÔNG TƯỜNG

CÁC BỘ

BỘ LAO ĐỘNG

THÔNG TƯ số 1459-LĐ/BH ngày 10-11-1959 về việc lập kế hoạch bảo hộ lao động 1960.

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG

Kính gửi: Các vị Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, Bộ Giao thông và Bưu điện, Nông lâm, Thủy lợi, Kiến trúc, Văn hóa, Nội thương, Ngoại thương, Quốc phòng (Tổng cục Hậu cần), Y tế.

Các ông Chủ tịch Ủy ban Hành chính các tỉnh, khu, thành phố.

Các ông Giám đốc, Trưởng ty, Trưởng phòng Lao động.

Công tác bảo hộ lao động phục vụ trực tiếp cho sản xuất, gắn liền với sản xuất. Có bảo hộ tốt

sức lao động thì mới đầy mạnh được sản xuất. Vấn đề cải thiện điều kiện lao động do đó đã trở thành một nhiệm vụ cần thiết và thường xuyên của các ngành, các cấp có trách nhiệm lãnh đạo sản xuất. Vì vậy, việc lập kế hoạch bảo hộ lao động, nhằm làm tốt công tác bảo đảm an toàn lao động phải được quán triệt trong kế hoạch chung về quản lý xí nghiệp và phải được xây dựng cùng một lúc với kế hoạch sản xuất.

Lập kế hoạch bảo hộ lao động đi đôi với lập kế hoạch sản xuất là thể hiện đúng đắn nhất tinh thần phương châm « an toàn để sản xuất, sản xuất phải được an toàn ». Thông tư số 3871 ngày 7-9-1958 của Thủ tướng Chính phủ, chỉ thị số 132 ngày 13-3-1959 của Trung ương Đảng Lao động đều đã nhấn mạnh lập kế hoạch bảo hộ lao động phải đi đôi với lập kế hoạch sản xuất. Để giúp các Bộ, các Ủy ban địa phương một phần trong việc lập kế hoạch bảo hộ lao động, Bộ tôi đã có công văn số 1553 ngày 9-9-1958 hướng dẫn nội dung và cách thức thi hành.

Đến nay, công tác lập kế hoạch bảo hộ lao động cùng với kế hoạch sản xuất ở một số ngành, cơ sở đã bước đầu được thực hiện. Việc thiết bị an toàn, trang bị phòng hộ đang đi vào nề nếp; điều kiện làm việc của công nhân dần dần được cải thiện. Nhưng nhìn chung tình hình lập kế hoạch bảo hộ lao động không cùng một lúc với kế hoạch sản xuất hoặc lập nhưng thiếu toàn diện và không lập kế hoạch còn khá phổ biến ở nhiều ngành, nhiều cơ sở. Những khuyết điểm này đã gây khó khăn cho việc tiến hành thường xuyên công tác bảo hộ lao động, không đáp ứng được kịp thời yêu cầu của quần chúng và đòi hỏi của sản xuất.

Sở dĩ công tác lập kế hoạch bảo hộ lao động đến nay vẫn chưa thực hiện được đầy đủ và rộng khắp là do mấy nguyên nhân: sự quan tâm lãnh đạo công tác bảo hộ lao động còn thiếu cụ thể, chưa gắn liền với chỉ đạo sản xuất. Việc tổ chức lập, duyệt kế hoạch bảo hộ lao động còn chưa phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận có trách nhiệm và chưa dựa hẳn vào công nhân. Những nguyên nhân chủ yếu là do tư tưởng của cán bộ, nhất là cán bộ quản lý sản xuất, chính trị cũng như chuyên môn, kỹ thuật, từ cơ sở đến các ngành ở trung ương, đa số chưa chú ý đúng mức đến việc lập kế hoạch bảo đảm an toàn cho công nhân. Nhiều cấp công đoàn ở cơ sở cũng ít chú ý đến vai trò, nhiệm vụ của mình kiểm tra giám sát chấp hành công tác bảo hộ lao động nói chung, cũng như công tác lập kế hoạch bảo hộ lao động nói riêng.

Với đà phát triển sản xuất công nghiệp, trong thời gian sắp tới, phong trào thi đua ngày được

mở rộng, tinh thần lao động của công nhân càng được phát huy thì công tác bảo hộ lao động càng phải được thực hiện một cách có hệ thống, có kế hoạch, những thiếu sót nói trên càng cần được nhanh chóng sửa chữa.

Để kế hoạch bảo hộ lao động năm 1960 được coi là một bộ phận quan trọng trong kế hoạch sản xuất, được xây dựng một cách toàn diện, ăn khớp với kế hoạch sản xuất, nhằm chủ động ngăn ngừa tai nạn lao động và bệnh tật nghề nghiệp, Bộ chúng tôi trân trọng đề nghị các Bộ, các ngành, các địa phương cần chú ý thực hiện mấy điểm sau đây:

1. Định rõ trách nhiệm cho cán bộ lãnh đạo sản xuất, trực tiếp hay gián tiếp, kể cả cán bộ chính trị hay chuyên môn, kỹ thuật, cần phải thấu suốt tinh thần phương châm « an toàn để sản xuất, sản xuất phải được an toàn », đặt công tác bảo đảm an toàn gắn liền với sản xuất. Nghiêm khắc phê phán tư tưởng chỉ lãnh đạo sản xuất, không lãnh đạo an toàn lao động. Mỗi khi xây dựng kế hoạch sản xuất, cần phải đồng thời xây dựng hoặc lập kế hoạch bảo hộ lao động. Khi duyệt kế hoạch sản xuất thì duyệt cả kế hoạch bảo hộ lao động; nếu không có kế hoạch bảo hộ lao động thì chưa duyệt, đơn đốc phải lập kế hoạch bảo hộ lao động kịp thời để cùng duyệt với kế hoạch sản xuất.

2. Định rõ thời gian lập kế hoạch bảo hộ lao động ở các cơ sở (hàng năm thường vào cuối quý 3 đầu quý 4), thời hạn xét duyệt ở Cục, ở Bộ đối với cơ sở thuộc Bộ, Cục quản lý, ở Ủy ban đối với cơ sở thuộc địa phương quản lý. Đồng thời định thành phần đại biểu các bộ môn có trách nhiệm tham gia lập và duyệt kế hoạch như bộ phận kế hoạch, kỹ thuật, bảo hộ lao động, tài vụ, y tế. Ngoài ra cũng đặt rõ quyền hạn nhiệm vụ cho các bộ phận phụ trách bảo hộ lao động ở Bộ, Cục, các Ty chuyên môn trong việc hướng dẫn, đơn đốc, kiểm tra việc lập và thực hiện kế hoạch bảo hộ lao động.

3. Nội dung kế hoạch bảo hộ lao động cần được toàn diện gồm đủ 3 mặt:

- Thiết bị an toàn để phòng tai nạn.
- Cải thiện điều kiện vệ sinh, gìn giữ sức khỏe.
- Tuyên truyền, giáo dục vệ sinh an toàn lao động.

Nên giải quyết những việc thiết thực có tác dụng ngăn ngừa tai nạn như cải tiến, sửa chữa hoặc thiết bị an toàn những bộ phận máy móc nguy hiểm như che chắn các hầm hố, chỗ làm việc trên cao, các động cơ, máy phát điện, giầy cua-roa, những bộ phận truyền điện... Hoặc cải thiện điều kiện vệ sinh như chống nóng, rét, hơi độc, bụi,

ánh sáng chói... Trong hoàn cảnh kinh tế hiện nay ta chưa cải thiện điều kiện làm việc được nhiều và thực hành tiết kiệm là rất đúng. Nhưng đối với những trường hợp thật cần thiết không được giải quyết, thì tai nạn, bệnh tật phát sinh thì nhất thiết phải làm không vì sợ tốn kém mà dè dặt. Ngược lại có những việc cơ sở có thể tự giải quyết được thì nên vận động cán bộ và công nhân làm.

Tuyên truyền giáo dục cũng cần được coi trọng. Tổ chức triển lãm, ra tranh ảnh, sách báo, mở lớp huấn luyện... có một tác dụng rất lớn, gây ý thức và động viên hướng dẫn thường xuyên phương pháp làm việc an toàn. Nếu coi nhẹ tuyên truyền giáo dục thì cũng giảm tác dụng của thiết bị an toàn và cải thiện điều kiện vệ sinh.

Ngoài ba phương sách này, không cần nêu các việc trang bị dụng cụ phòng hộ, phụ cấp hao mòn sức khỏe cho công nhân trong nội dung kế hoạch mà chỉ cần dự trù xin kinh phí để chi sắm vì đã có chế độ cụ thể và như thế sẽ được duyệt y nhanh chóng khỏi chờ đợi vì việc xét duyệt các kế hoạch bảo hộ lao động phải qua nghiên cứu tốn nhiều thì giờ hơn.

4. 20% quỹ thưởng dành cho việc bổ sung thiết bị hoặc chi cho việc đột xuất như thiết bị an toàn máy móc bị hư hỏng để kịp thời phòng ngừa tai nạn mà trước đây không ghi trong kế hoạch cần được sử dụng đúng đắn. Không nên để đó không chi tiêu khi cần thiết hoặc cho rằng sử dụng hết số tiền này mà còn thiếu mới lập dự trù kinh phí.

5. Việc xây dựng kế hoạch bảo hộ lao động phải theo đường lối quần chúng; phải động viên công nhân phát hiện những vấn đề không an toàn vệ sinh cần phải giải quyết. Sau khi kế hoạch đã được xét duyệt cũng cần báo cáo việc thực hiện thế nào trước quần chúng và vận động quần chúng có nhiệm vụ tham gia thi hành.

Tổ chức kiểm tra việc lập và thực hiện kế hoạch cũng là một điều rất cần thiết. Trong việc này phải đề cao vai trò và trách nhiệm của Công đoàn cơ sở nhằm sử dụng đúng mức quyền hạn và phát huy mạnh tác dụng của Công đoàn trong việc tuyên truyền giáo dục công nhân, giám sát việc chấp hành công tác bảo hộ lao động nói chung và lập kế hoạch bảo hộ lao động nói riêng. Công đoàn có trách nhiệm tập hợp ý kiến quần chúng và tham gia duyệt kế hoạch bảo hộ lao động, thường xuyên đòi hỏi cấp chuyên môn cùng với mình phụ trách đầy đủ công tác này.

6. Bộ chúng tôi đề nghị các Bộ, các ngành có trách nhiệm lãnh đạo sản xuất, các Ủy ban địa phương chú ý hơn nữa đến công tác bảo hộ lao động, kiểm điểm nhận xét việc lập kế hoạch thời gian qua và hiện nay để có những bổ khuyết cụ thể nhằm sửa chữa những thiếu sót đã mắc phải. Các cơ sở sản xuất đang ở thời kỳ phải lập kế hoạch sản xuất và kế hoạch bảo hộ lao động cho

năm 1960, các ngành, các Ủy ban nên có những chỉ thị cụ thể và lãnh đạo kịp thời các bộ môn, các đơn vị trực thuộc tiến hành ngay việc lập kế hoạch cho tốt. Đối với số ít đơn vị đang lập kế hoạch cũng cần được theo dõi giúp đỡ đầy đủ hơn.

Các cơ quan Lao động địa phương cần phối hợp với các cấp Công đoàn chú trọng kiểm tra giúp đỡ các cơ sở làm việc này. Chú ý những đơn vị thường xảy ra tai nạn bệnh tật và có khó khăn trong khi lập kế hoạch.

Các cơ sở phải gửi cho các cơ quan Lao động địa phương một bản kế hoạch bảo hộ lao động đã được duyệt để tiện cho cơ quan Lao động giúp các Bộ, các ngành trong việc theo dõi đơn đốc thực hiện.

Mong các Bộ, các ngành, các Ủy ban địa phương chú trọng kết hợp lãnh đạo sản xuất với đảm bảo an toàn lao động, có những biện pháp cụ thể, kịp thời hướng dẫn việc lập kế hoạch bảo hộ lao động năm 1960 đi đôi với kế hoạch sản xuất nhằm thiết thực tăng cường công tác bảo hộ lao động, đẩy mạnh sản xuất.

Hà nội, ngày 10 tháng 11 năm 1959

Bộ trưởng Bộ Lao động

NGUYỄN VĂN TẠO

BỘ NỘI VỤ

THÔNG TƯ số 5815-TB/LS4 ngày 19-10-1959 về việc giúp đỡ gia đình liệt sĩ, tử sĩ.

Kính gửi: Các Ủy ban Hành chính khu, tỉnh, thành phố, khu vực Vĩnh linh

Tiếp theo thông tư Liên bộ Nội vụ — Tài chính số 50-TT/LB ngày 14-10-1959 về việc giúp đỡ gia đình liệt sĩ, tử sĩ thiếu sức lao động, hoàn cảnh khó khăn, Bộ giải thích một số điểm cần thiết sau đây để các Ủy ban nghiên cứu thi hành:

I. PHƯƠNG HƯỚNG GIÚP ĐỠ GIA ĐÌNH LIỆT SĨ, TỬ SĨ

Từ lâu, nhân dân ta vẫn có nhiệt tình giúp đỡ thương binh, gia đình quân nhân liệt sĩ, nhất là trong thời kỳ kháng chiến nhiều gia đình liệt sĩ, tử sĩ cha mẹ già yếu, con cái bơ vơ không nơi nương tựa đã được nhân dân chú ý bảo đảm đời sống, và săn sóc an ủi mọi mặt; điều đó thể hiện lòng biết ơn sâu sắc của nhân dân ta đối với những người đã hy sinh vì Tổ quốc, có tác dụng khuyến khích tinh thần dũng cảm phấn đấu của cán bộ, bộ đội và nhân dân.